

CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA, TRƯỜNG SA TRÊN BIỂN ĐÔNG QUA TƯ LIỆU LỊCH SỬ, PHÁP LÝ VÀ SỰ ỦNG HỘ CỦA QUỐC TẾ

NGUYỄN VĂN LAN*

Tóm tắt: Hoàng Sa và Trường Sa là hai quần đảo ở ngoài khơi Biển Đông, vùng biển có vị trí chiến lược quan trọng đối với các nước trong khu vực Đông Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương và toàn thế giới. Từ lâu, Nhà nước Việt Nam đã sở hữu thật sự Hoàng Sa và Trường Sa khi hai quần đảo này chưa thuộc chủ quyền của bất cứ quốc gia nào. Từ thế kỷ XVII đến nay, Việt Nam là quốc gia duy nhất thực thi chủ quyền một cách liên tục và hòa bình đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Bài viết tập trung phân tích các nguồn tư liệu cổ, tư liệu lịch sử, pháp lý có liên quan của Việt Nam, của quốc tế, của chính Trung Quốc và sự ủng hộ của dư luận quốc tế. Tất cả đều thể hiện, khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

Từ khóa: Biển Đông, chủ quyền, Hoàng Sa, Trường Sa, Việt Nam.

Việt Nam nằm trên bờ Biển Đông. Đây là vùng biển có vị trí chiến lược quan trọng đối với các nước trong khu vực Đông Nam Á, Châu Á - Thái Bình Dương và toàn thế giới, là tuyến hàng hải huyết mạch thông thương giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Hầu hết các nước trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đều có hoạt động hàng hải thương mại mạnh mẽ trên khu vực Biển Đông. Đây còn là nơi chứa đựng nhiều nguồn tài nguyên phong phú. Hoàng Sa, Trường Sa là hai quần đảo ở ngoài khơi Biển Đông. Ít nhất là từ thế kỷ XVII đến nay, Việt Nam là quốc gia duy nhất thực thi chủ quyền

một cách liên tục và hòa bình đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

1. Khái quát vị thế địa - chiến lược, địa - kinh tế của biển đảo Việt Nam trong tổng thể Biển Đông

Biển Đông được bao bọc bởi 10 nước và vùng lãnh thổ⁽¹⁾, trong đó Việt Nam là quốc gia có vị trí quan trọng ở vùng biển này. Đây là vùng biển có ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống của trên 300 triệu dân, là “yết hầu” của tuyến đường biển giao lưu và thương mại quốc tế giữa Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương, vị trí cầu nối giữa Đông Bắc Á với Đông Nam Á. Trong

* PGS. TS. Nguyễn Văn Lan, Học viện Chính trị khu vực III

số 10 tuyến đường biển lớn nhất thế giới hiện nay, có 5 tuyến đi qua Biển Đông hoặc có liên quan đến Biển Đông. Tần xuất hoạt động của tàu thuyền ở vùng biển này vào loại nhất nhì thế giới; trung bình mỗi ngày có khoảng gần 300 tàu biển các loại đi qua. Hằng năm có khoảng 30% hàng hóa và dịch vụ của thế giới đi qua Biển Đông, trong đó, 60% trong số này là hàng xuất nhập khẩu của Trung Quốc; 40% lượng hàng hóa xuất khẩu và 70% lượng dầu mỏ nhập khẩu của Nhật Bản đi qua vùng biển này. Chính vì vậy, từ lâu các nước khu vực Biển Đông và các cường quốc hàng hải luôn coi vùng biển này là yếu tố quan trọng trong chiến lược phát triển và an ninh, làm cho Biển Đông, đặc biệt là hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam tiềm ẩn những diễn biến phức tạp.

Về vị trí địa lý, quần đảo Hoàng Sa cách Đảo Ré - Đảo ven bờ Việt Nam và cách Đà Nẵng 120 hải lý về phía đông; quần đảo Trường Sa cách vịnh Cam Ranh khoảng 250 hải lý về phía đông. Những tư liệu lịch sử quan trọng của Việt Nam như các ấn phẩm sách và bản đồ cổ về địa lý của Việt Nam đều ghi nhận Bãi Cát Vàng, Vạn lý Hoàng Sa, Đại Trường Sa hay Vạn lý Trường Sa (được dùng để chỉ chung cả Hoàng Sa và Trường Sa) là lãnh thổ Việt Nam từ đầu thế kỷ XVII. Hầu hết các bản đồ của các nhà hàng hải Bồ Đào Nha, Hà Lan, Pháp... từ thế kỷ XVI đến XVIII đều vẽ chung quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa làm một với tên gọi Pracel, Parcel hoặc Paracels⁽²⁾. Đến cuối thế kỷ XVIII, từ năm 1787 đến 1788, đoàn khảo sát Kergariou-Locmaria mới xác định chính xác vị trí quần đảo Hoàng Sa (Paracel) và phân biệt với quần đảo Trường Sa ở phía Nam, cả hai đều ở giữa Biển Đông, phía đông Việt

Nam, bên ngoài đảo ven bờ của Việt Nam như hiện nay.

Thực tế, khu vực Biển Đông đã và đang có sự tranh chấp gay gắt. Trong số 10 nước và vùng lãnh thổ khu vực Biển Đông, thì 9 nước có yêu sách về chủ quyền biển, đảo, tạo nên tranh chấp đa phương, song phương, chứa đựng các mâu thuẫn cả về kinh tế, đối ngoại và an ninh. Một là, tranh chấp về lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Hai là, tranh chấp tài nguyên mà thể hiện rõ là các hoạt động khai thác, thăm dò trái phép, đánh bắt trộm hải sản, vi phạm nghiêm trọng chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam. Ba là, tranh chấp đảo và bãi đá ngầm, tranh chấp vùng trời gắn liền với vùng lãnh thổ biển (vùng thông báo bay - FIR). Đây là những vấn đề đã và đang đặt ra về bảo vệ chủ quyền biển, đảo, vùng trời của Việt Nam.

2. Cơ sở lịch sử, pháp lý có liên quan khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa

Theo dòng lịch sử Việt Nam, nhân dân Việt Nam đã phát hiện quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Nhà nước Việt Nam qua các thời kỳ đã sở hữu, thực hiện chủ quyền trên thực tế đối với hai quần đảo này một cách liên tục và hòa bình.

Các nguồn tư liệu của Việt Nam, gồm tư liệu chính thức của Nhà nước và tư liệu trong dân gian; thư tịch cổ; các di tích, di vật, các tư liệu địa danh (như khu vực Sa Kỳ - Lý Sơn), tư liệu thư tịch, văn hóa, văn học dân gian... đều phản ánh khách quan, trung thực và thống nhất lịch sử chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa, Trường Sa. Trong đó, ở thế kỷ XIX, tư liệu có giá trị lịch sử, pháp lý cao nhất là Châu bản và Mộc bản triều Nguyễn. Về Châu bản và

Nguyễn, đây là các bản tấu, sớ của triều đình nhà Nguyễn từ năm 1802 đến trước tháng 8/1945 đã được nhà vua “ngự phê”, “ngự lâm”. Trong 734 tập Châu bản triều Nguyễn còn lại, có 19 Châu bản phản ánh hoạt động trên thực tế, cụ thể về chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa, Trường Sa dưới các triều vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức⁽³⁾. Đây là các tư liệu nguyên gốc và cao nhất của nhà Nguyễn, được viết ra trong quá trình hoạt động của Nhà nước, phản ánh khách quan, trung thực tư tưởng chính trị, chủ trương, chính sách về chủ quyền đất nước của các vương triều trong các hoạt động đối nội, đối ngoại. Đây không chỉ là tư liệu lịch sử pháp lý vô giá của Việt Nam mà còn có giá trị quốc tế. Vì thế, ngày 14/5/2014, tại Quảng Châu, Trung Quốc, UNESCO đã chính thức công nhận Châu bản triều Nguyễn của Việt Nam là Di sản tư liệu, ký ức thế giới khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Về Mộc bản triều Nguyễn, đây là bản khắc gỗ bộ Quốc sử triều Nguyễn Đại Nam thực lục Tiền biên và Chính biên, được biên soạn từ những năm đầu đời vua Gia Long, hoàn thành năm Đồng Khánh thứ 3 (1888)⁽⁴⁾, được UNESCO công nhận là Di sản tư liệu thế giới.

Qua nghiên cứu tư liệu khác nhau trong lịch sử cho thấy, các nguồn tư liệu lịch sử, pháp lý rất phong phú, đa dạng và khá thống nhất. Trong đó, nguồn thư tịch cổ Việt Nam đều thống nhất với bản đồ cổ, tư liệu ở các địa phương của nước ta, cũng như các nguồn tư liệu phương Đông và phương Tây. Tư liệu đã khẳng định, Việt Nam là nước duy nhất trong khu vực sở hữu quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa từ khi hai quần đảo này là vùng đất chưa có chủ và đã thực thi chủ quyền liên tục, đầy đủ, trọn vẹn, hòa bình trong nhiều thế kỷ dưới danh nghĩa Nhà nước và không có bất cứ một

quốc gia nào tranh chấp hay phản đối.

Bên cạnh dòng lịch sử Việt Nam, nhiều tư liệu lịch sử, pháp lý của quốc tế đã trực tiếp hay gián tiếp khẳng định chủ quyền không tách rời của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Đầu thế kỷ XVIII, năm 1701, một giáo sĩ phương Tây đi trên tàu Amphitrite từ Pháp sang Trung Quốc đã viết “Paracel là một quần đảo thuộc vương quốc An Nam”⁽⁵⁾. Năm 1820, J.B. Chaigneau, cố vấn của vua Gia Long đã viết trong hồi ký về nước Cochinchine (nước Việt Nam thời bấy giờ - theo nghĩa trong tài liệu phương Tây) rằng: “Nước Cochinchine mà nhà vua bấy giờ đã lên ngôi hoàng đế gồm xứ Cochinchine và Đông Kinh (Đông Kinh tức Đàng Ngoài)... một vài đảo có dân cư không xa bờ biển và quần đảo Paracel do những đảo nhỏ, ghềnh và đá không có dân cư hợp thành...”⁽⁶⁾. Đáng chú ý, trong An Nam đại quốc họa đồ xuất bản 1838, Giám mục J.L.Taberd đã vẽ một phần của Paracel và ghi “Paracel hay Cát Vàng” ở ngoài các đảo ven bờ miền trung Việt Nam, vào khu vực quần đảo Hoàng Sa hiện nay⁽⁷⁾. Bản đồ này là tài liệu phản ánh sự tổng kết những hiểu biết sâu sắc, khách quan của người phương Tây từ thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XIX về mối quan hệ giữa quần đảo Hoàng Sa và nước Đại Việt mà tác giả gọi là An Nam đại quốc. Trong bài “Địa lý Vương quốc Cochinchina” của Gutzlaff, đăng trên tạp chí Hội địa lý Hoàng gia London, tập 19, năm 1849 đã chỉ rõ, Paracels thuộc lãnh thổ Việt Nam và chú thích cả tên Việt Nam là “Cát Vàng”⁽⁸⁾.

Chính phủ Pháp đã buộc triều đình nhà Nguyễn ký “Hiệp ước Pa-tơ-nốt” ngày 6/6/1884 và nước Pháp nhân danh Nhà nước Việt Nam tiếp tục thực hiện chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa,

Trường Sa. Cụ thể, các tàu chiến của Pháp thường xuyên tiến hành tuần tra trong vùng Biển Đông, trong đó có Hoàng Sa, Trường Sa. Năm 1938, Pháp đã dựng bia chủ quyền, xây đèn biển, trạm khí tượng, trạm thu phát vô tuyến điện ở đảo Hoàng Sa thuộc quần đảo Hoàng Sa; xây dựng trạm khí tượng, trạm thu phát vô tuyến điện ở đảo Ttu Aba trong quần đảo Trường Sa. Ngày 15/6/1938, Toàn quyền Đông Dương Jules Brévie ký Nghị định thành lập đơn vị hành chính cho quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Thừa Thiên và đến ngày 5/5/1939, Toàn quyền Đông Dương Jules Brévie tiếp tục ký Nghị định 3282 tách đơn vị hành chính Hoàng Sa thành 2 đơn vị: "Croissant và các đảo phụ thuộc", "Amphitrite và các đảo phụ thuộc". Đây là những bằng chứng thể hiện sự tiếp nối về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo này ở thời kỳ Pháp đô hộ.

Sau khi rút quân Việt Nam năm 1956, Pháp đã bàn giao cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa quản lý, bảo đảm tính liên tục thực thi chủ quyền một cách hòa bình đối với Hoàng Sa, Trường Sa. Chính quyền Sài Gòn đã sáp nhập quần đảo Trường Sa vào xã Phước Hải, quận Đất Đỏ, tỉnh Phước Tuy. Trong thời gian này, Trung Quốc đã dùng vũ lực lấn lướt chiếm đóng phần phía Đông (1956) và sau đó là phần phía Tây của quần đảo Hoàng Sa (1974), rồi xâm chiếm toàn bộ quần đảo này. Chính quyền Sài Gòn đã kịch liệt phản đối sự xâm chiếm này và đã thông báo cho các nước, cũng như Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc. Ngày 14/2/1975, Bộ Ngoại giao chính quyền Sài Gòn công bố Sách trắng về các quyền lịch sử và pháp lý của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Năm 1975, khi giải phóng miền Nam, Quân đội Nhân dân Việt Nam đã tiếp

quản, tiếp tục trấn giữ quần đảo Trường Sa và Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa (CHXHCN) Việt Nam từ năm 1976 tiếp tục thực thi chủ quyền của Việt Nam đã có từ lâu đời trên quần đảo Trường Sa.

Tư liệu lịch sử có liên quan của Trung Quốc cũng khẳng định chủ quyền về Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam. Cuốn sách Chư Phiên Chí của sử gia Triệu Nhữ Quát đời nhà Tống chép: Sau khi thôn tính Nam Việt (tên gọi Việt Nam khi đó), Hán Vũ Đế sai quân vượt biển sang chiếm đất của địch quân và đặt ra 2 quận Châu Nhai và Đạm Nhĩ (đảo Hải Nam). Trong thế kỷ thứ I (TCN), Hán Nguyên Đế đã rút quân khỏi đảo Hải Nam. Cho đến đời nhà Lương và nhà Tùy (cuối thế kỷ thứ VI đầu thế kỷ thứ VII) mới đặt lại quyền cai trị. Tài liệu cổ này đã mô tả rõ, vùng Vạn Lý Trường Sa (Hoàng Sa hiện nay) là nơi nguy hiểm, tàu thuyền Trung Hoa không nên đến gần, vì chỉ đi sai một chút là có thể bị đắm tàu. Tài liệu khẳng định về mặt địa lý, Vạn Lý Trường Sa không nằm ở phiên quốc Trung Hoa (tức không thuộc về Trung Quốc), mà thuộc về phiên quốc Nam Việt (Việt Nam). Điều này rõ ràng đã mặc nhiên khẳng định, biên giới trên Biển Đông của Trung Hoa mà đời nhà Hán chỉ rõ là chỉ tới đảo Hải Nam.

Vào thế kỷ XVII (1696), cuốn sách Hải Ngoại Ký Sự của Hòa thượng Thích Đại Sán, Trung Quốc, được chúa Minh - Nguyễn Phúc Chu mời sang Đàm Trong thuyết pháp về đạo Phật. Trước khi về nước, Hòa thượng Thích Đại Sán đã viết "Hải Ngoại Ký Sự", trong đó nói đến Biển Đông, Vạn Lý Trường Sa, khẳng định Chúa Nguyễn đã sai thuyền ra khai thác các sản vật từ các tàu đắm trên quần đảo này. Đối chứng với các tài liệu lịch sử Việt Nam về hoạt động của đội Hoàng Sa cho

thấy, những gì Thích Đại Sán mô tả là hoàn toàn phù hợp, khách quan, ghi nhận chủ quyền của Đại Việt đối với quần đảo Hoàng Sa.

Cùng với các ghi chép, ký sự của các sử gia, nhà nghiên cứu Trung Quốc về chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa, Trường Sa, sự minh họa của các bản đồ cổ Trung Quốc do chính người Trung Quốc vẽ từ trước năm 1909, một lần nữa là bằng chứng thuyết phục về chủ quyền không tranh cãi của Việt Nam. Thực tế cho thấy, tất cả các bản đồ cổ của Trung Quốc vẽ trước năm 1909 đều xác định đảo Hải Nam là cực nam của biên giới phía nam Trung Quốc, bao gồm: Thiên hạ Thống nhất Chi đồ đời Minh trong Đại Minh Nhất thống chí, biên vẽ năm 1461; Hoàng Minh Đại thống nhất tổng đồ đời Minh, trong Hoàng Minh Chức phương địa đồ của Trần Tổ Thụ, vẽ năm 1635; Lộ phủ Châu huyện đồ đời Nguyên, biên vẽ lại trong Kim cổ dư đồ của Nguyễn Quốc Phụ đời Minh, vẽ năm 1638; Hoàng triều Nhất thống dư địa tổng đồ trong tập Hoàng triều Nhất thống dư địa bản đồ (khuyết danh) vẽ năm 1894; Đại Thanh đế quốc trong tập Đại Thanh đế quốc toàn đồ do Thường Vụ An Thư Quán Thượng Hải, biên vẽ năm 1905...

Cùng với sử liệu cổ của Việt Nam, quốc tế và của Trung Quốc, các điều ước quốc tế có liên quan lại là một bằng chứng nữa về chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam được thế giới xác nhận. Hội nghị tam cường (Anh, Mỹ, Trung Quốc) tại Ai Cập ra tuyên bố Cairo ngày 27/11/1943, trong đó nhấn mạnh: "Nhật Bản phải bị loại bỏ ra khỏi tất cả các đảo ở Thái Bình Dương mà Nhật đã cướp hoặc chiếm đóng từ khi bắt đầu cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất 1914 và tất cả

những lãnh thổ Nhật Bản đã chiếm của Trung Quốc như Mân Châu Lý, Đài Loan và Bành Hồ sẽ được trả lại cho Cộng hòa Trung Hoa"⁽⁹⁾. Như vậy, Tuyên bố Cairo khẳng định ý chí của các cường quốc buộc Nhật Bản phải trao trả các lãnh thổ mà Nhật Bản đã chiếm đóng của Trung Quốc gồm "Mân Châu Lý, Đài Loan và Bành Hồ", không có gì liên quan đến hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Điều này có nghĩa là Tuyên bố Cairo đã gián tiếp khẳng định quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa không thuộc về Trung Quốc.

Tại Hội nghị San Francisco ngày 7/9/1951, trước đại diện của 51 nước tham dự (trong đó có Trung Quốc), Trưởng đoàn đại biểu chính quyền Bảo Đại Trần Văn Hữu đã tuyên bố, từ lâu hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là bộ phận không tách rời của lãnh thổ Việt Nam và "cũng vì cần phải dứt khoát lợi dụng tất cả mọi cơ hội để dập tắt những mầm mống các tranh chấp sau này, chúng tôi khẳng định chủ quyền của chúng tôi đối với các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa, những quần đảo luôn luôn thuộc về Việt Nam"⁽¹⁰⁾. Tuyên bố trên của đại diện Việt Nam tại Hội nghị đã không có bất cứ một đại diện nào của 51 quốc gia tham dự Hội nghị phản đối hoặc bảo lưu.

Có thể khẳng định, từ các sử liệu cổ chính thức của các nhà nghiên cứu, các đoàn khảo sát khoa học, các nhà truyền giáo phương tây và của chính các học giả Trung Quốc; từ những tư liệu chính thức của Nhà nước Việt Nam qua các thời kỳ, Nhà nước Pháp, các văn kiện pháp lý quốc tế, từ tuyên bố Cairo 1943 đến Hòa ước San Francisco 1951 đã khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

3. Quan điểm, chính sách của Việt Nam và sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa

Nối tiếp các quan điểm, chính sách trong thực thi chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của các triều đại phong kiến, các thể chế chính trị xã hội Việt Nam trong lịch sử và dựa trên luật pháp quốc tế có liên quan, ngay sau khi thống nhất đất nước, tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội Việt Nam khóa VI (2/7/1976) đã khẳng định: Nhà nước CHXHCN Việt Nam hoàn toàn có nghĩa vụ, quyền hạn tiếp tục quản lý và bảo vệ chủ quyền Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Tiếp sau đó là hàng loạt các tuyên bố khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa trong nhiều văn bản pháp luật, như các Tuyên bố của Chính phủ Việt Nam ngày 12/5/1977 về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam; Tuyên bố ngày 12/11/1982 về đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam đều khẳng định quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là một bộ phận của lãnh thổ Việt Nam, Việt Nam có đầy đủ chủ quyền đối với hai quần đảo này, phù hợp với các quy định của luật pháp quốc tế. Tháng 4/2007, Chính phủ Việt Nam quyết định thành lập thị trấn Trường Sa, xã Song Tử Tây và xã Sinh Tồn thuộc huyện Trường Sa.

Về quản lý hành chính, Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản như: Quyết định số 194/HĐBT ngày 9/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thành lập huyện đảo Hoàng Sa trực thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà

Nẵng. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, huyện Hoàng Sa thuộc thành phố Đà Nẵng; Nghị quyết của Quốc hội khóa VII, phiên họp thứ 4 ngày 28/12/1982, đã sáp nhập huyện đảo Trường Sa của tỉnh Đồng Nai vào tỉnh Phú Khánh. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hòa.

Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam đã nhiều lần khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa trong các Công hàm gửi các bên có liên quan; các Tuyên bố của Bộ Ngoại giao; trong các Hội nghị của Tổ chức Khí tượng thế giới ở Geneva (tháng 6/1980), của Đại hội Địa chất thế giới ở Paris (tháng 7/1980)... Nhà nước Việt Nam đã nhiều lần công bố "Sách trắng" vào các năm 1979, 1981 và năm 1988 về chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, khẳng định hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là một bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ Việt Nam, Việt Nam có đầy đủ chủ quyền đối với hai quần đảo này, phù hợp với các quy định của luật pháp quốc tế. Tháng 4/2007, Chính phủ Việt Nam quyết định thành lập thị trấn Trường Sa, xã Song Tử Tây và xã Sinh Tồn thuộc huyện Trường Sa.

Cũng như nhiều quốc gia trên thế giới, năm 1994, Việt Nam đã gia nhập Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 (UNCLOS 1982). Trong văn bản gia nhập Công ước này, Việt Nam đã khẳng định chủ quyền quốc gia đối với vùng nội thủy và vùng lanh hải, quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với vùng tiếp giáp lanh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Việc gia nhập UNCLOS 1982 đối với Việt Nam là vô cùng quan trọng, vì từ thời điểm

đó mọi vấn đề tranh chấp trên biển, về vùng chồng lấn trên biển và thềm lục địa ở Biển Đông sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định của UNCLOS 1982 và các văn bản quốc tế hiện hành có liên quan. Trong Nghị quyết phê chuẩn văn bản gia nhập UNCLOS 1982 của Quốc hội Việt Nam ngày 23/6/1994 đã ghi nhận rằng, mọi tranh chấp đối với các vùng biển, đặc biệt là vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, sẽ được giải quyết trên tinh thần bình đẳng, hiểu biết, tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng luật pháp quốc tế, tôn trọng chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của các quốc gia ven biển.

Ngày 25/11/2011, tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa 13, trước các đại biểu Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã tuyên bố: "Việt Nam có đủ căn cứ pháp lý và lịch sử khẳng định quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền Việt Nam. Chúng ta làm chủ thật sự, ít nhất là từ thế kỷ XVII, khi hai quần đảo này chưa thuộc bất kỳ quốc gia nào. Chúng ta đã làm chủ trên thực thế liên tục và hòa bình. Lập trường nhất quán của chúng ta là quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền Việt Nam. Chúng ta có đủ căn cứ lịch sử và pháp lý để khẳng định điều này. Nhưng chúng ta chủ trương đàm phán giải quyết đòi hỏi chủ quyền bằng biện pháp hòa bình. Chủ trương này phù hợp với Hiến chương Liên hợp quốc, phù hợp với UNCLOS 1982"⁽¹¹⁾. Lời khẳng định của người đứng đầu Chính phủ Việt Nam một lần nữa cho thấy, lập trường nhất quán của nước ta trong việc bảo vệ chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa xuyên suốt mọi thời kỳ. Tuyên bố này một lần nữa phản ánh và khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và thể

hiện thiện chí của Việt Nam trong việc giải quyết tranh chấp ở Biển Đông.

Có thể thấy, từ khi thống nhất đất nước đến nay, Việt Nam luôn có quan điểm nhất quán, Nhà nước Việt Nam đã thực hiện chủ quyền của mình một cách liên tục và hòa bình cho đến khi bị các lực lượng vũ trang nước ngoài xâm chiếm. Như vậy, chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là bất biến, song theo luật pháp quốc tế có liên quan, chính sách của Việt Nam luôn linh hoạt trong đấu tranh khẳng định chủ quyền và đã có một số điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

Về quan điểm đối với các vùng biển, Việt Nam có chủ quyền đối với các vùng nội thủy và lãnh hải tính từ đường cơ sở và có quyền chủ quyền, quyền tài phán đối với vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý và thềm lục địa, cả đoạn 200 hải lý và đoạn kéo dài như các báo cáo ranh giới ngoài của riêng Việt Nam và báo cáo chung giữa Việt Nam và Malaysia. Liên quan đến quy chế pháp lý của các vị trí (hình thái địa chất) ở Hoàng Sa, Trường Sa, qua các báo cáo ranh giới ngoài, nhiều học giả kết luận, Việt Nam không coi các vị trí ở Hoàng Sa, Trường Sa là các đảo và do đó không có các vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, mà chỉ có tối đa 12 hải lý lãnh hải. Đây là bước điều chỉnh trong quan điểm của Việt Nam đối với các vùng biển và cũng phù hợp với UNCLOS 1982. Thực tế, các vị trí nói chung ở Hoàng Sa, Trường Sa đa số không có đời sống kinh tế riêng, nên theo UNCLOS 1982, chúng không có vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Hầu như các nước ASEAN ven Biển Đông đều thống nhất với quan điểm này. Nó tạo thành lập trường chung của ASEAN. Quan điểm trên không tương đồng với quan điểm của Trung Quốc.

Với quan điểm nhất quán, Việt Nam luôn phản đối những hành vi vi phạm của phía Trung Quốc đối với các vùng biển, đảo của Việt Nam, trên cơ sở luật pháp quốc tế. Sau khi chiếm Hoàng Sa (năm 1974), đảo Gạc Ma (năm 1988)⁽¹²⁾, Trung Quốc tiếp tục đưa ra những yêu sách chủ quyền phi lý, liên tục gây hấn với Việt Nam như công khai hóa đường “chữ U” (đường 9 đoạn) trong công hàm gửi Liên Hợp Quốc năm 2009, đặt trái phép giàn khoan HD 981 trong vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) và thềm lục địa của Việt Nam (tháng 5/2014), đưa tàu khảo sát Hải Dương 8 vào vùng EEZ và thềm lục địa của Việt Nam (từ tháng 7/2019)...v.v. Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp giao thiệp ngoại giao phù hợp, gửi Công hàm lên Liên Hợp Quốc phản đối Công hàm có bản đồ “đường chín đoạn” của Trung Quốc, trong đó nêu rõ: *Tuyên bố đường chín đoạn trên bản đồ gửi kèm theo Công hàm ngoại giao của Trung Quốc là vô giá trị và không có hiệu lực vì nó không có cơ sở pháp lý, lịch sử và thực tế; trao công hàm phản đối cho phía Trung Quốc, yêu cầu rút ngay giàn khoan HD 981 cũng như tàu khảo sát Hải Dương 8 khỏi vùng EEZ và thềm lục địa của Việt Nam. Các lực lượng chức năng của Việt Nam đã triển khai các biện pháp phù hợp, đúng pháp luật. Việt Nam khẳng định kiên quyết, kiên trì bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán đã được xác lập tại UNCLOS 1982 bằng các biện pháp hòa bình, trên cơ sở luật pháp quốc tế.*

Từ những phản ứng chính đáng của Việt Nam, phù hợp với luật pháp quốc tế, cộng đồng quốc tế đã lên tiếng ủng hộ. Một loạt các quốc gia đã lên tiếng phản đối các hành động vi phạm luật pháp quốc tế, gây mất ổn định và làm gia tăng căng thẳng

trong khu vực của Trung Quốc. Trước hành động hạ đặt trái phép giàn khoan HD 981 trong vùng EEZ và thềm lục địa của Việt Nam, đại diện các nước đã lên án Trung Quốc xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam. Ngày 17/5/2014, trong bức thư gửi Đại sứ Việt Nam tại Pháp, Chủ tịch Nhóm hữu nghị Pháp - Việt, cựu Chủ tịch Thượng viện Pháp, Thượng nghị sỹ Christian Poncelet cho rằng: “Căn cứ vào luật pháp quốc tế, nhất là Công ước Montego Bay thông qua ngày 10/12/1982, việc can thiệp vào vùng EEZ của Việt Nam là bất hợp pháp”. Trong khi đó, Tướng Daniel Schaeffer, nguyên Tùy viên quân sự Pháp tại Việt Nam và Trung Quốc nhận định, bằng hành động đưa giàn khoan vào EEZ và thềm lục địa của Việt Nam, Trung Quốc đã vượt quá các quyền hạn của họ và vi phạm chủ quyền của Việt Nam. Tiếp đó, trong Tuyên bố gửi Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam (ngày 12/6/2014), Chủ tịch Viện Văn hóa Chile - Việt Nam, bà Patricia Arbazua Munos khẳng định: Việc hạ đặt giàn khoan HD-981 tại vùng biển của Việt Nam do phía Chính phủ Trung Quốc thực hiện đã xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam và luật pháp quốc tế quy định về cách hành xử của các nước tại Biển Đông.

Đối với hành động Trung Quốc đưa tàu khảo sát Hải Dương 8 vào vùng EEZ và thềm lục địa của Việt Nam mới đây, Bộ Ngoại giao Mỹ ngày 21/8/2019 ra thông cáo “lên án Trung Quốc đưa tàu khảo sát và tàu hộ tống có vũ trang vào vùng nước của Việt Nam”, gọi đây là hành động leo thang của Trung Quốc trong nỗ lực nhằm đe dọa các nước khác trong việc khai thác nguồn tài nguyên ở Biển Đông. Giáo sư Carl Thayer thuộc Học viện Quốc phòng Australia cho rằng: “Hành động kéo tàu khảo sát Hải

Dương 8 của Trung Quốc thăm dò Bai Tư Chính đang vi phạm nghiêm trọng luật pháp quốc tế và chủ quyền lãnh hải Việt Nam”⁽¹³⁾. Cùng với Mỹ, Australia, Nhật Bản, Ấn Độ và các nước khác cũng đã bày tỏ sự lo ngại đối với hành vi vi phạm của Trung Quốc và lên tiếng ủng hộ lập trường chính nghĩa của Việt Nam.

Thực tiễn lịch sử và hiện nay đã cho thấy, các nguồn tư liệu lịch sử, pháp lý dựa trên cơ sở luật pháp quốc tế có liên quan và sự đồng tình ủng hộ của cộng đồng quốc tế đã khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa, Trường Sa. Vì thế, quan điểm, chính sách của Việt Nam trong đấu tranh khẳng định chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là: kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ tại hai quần đảo này, dựa trên luật pháp quốc tế. Đối với các bất đồng, tranh chấp trên Biển Đông, chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước Việt Nam là không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực, giải quyết mâu thuẫn thông qua thương lượng hòa bình trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, phù hợp với luật pháp quốc tế, đặc biệt là UNCLOS1982, Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), nhằm sớm tìm kiếm giải pháp cơ bản và lâu dài, đáp ứng lợi ích chính đáng của các bên, tiến tới xây dựng Biển Đông thành vùng biển hòa bình, hợp tác và phát triển./.

CHÚ THÍCH

1. Việt Nam, Trung Quốc, Philippines, Indonesia, Brunei, Malaysia, Singapore, Thái Lan, Campuchia và Đài Loan.

2. Bản đồ của các nhà hàng hải Bồ Đào Nha, Hà Lan, Pháp như: Lazaro Luis, Fernão Vaz Dourado, Willem Jansz Blaeu, Jacob Aertsz Colom, Hendrick Doncker, Frederich De Wit Pietre du Val...v.v.
3. *Châu bản triều Nguyễn*, Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, (18, Vũ Phạm Hàm, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội).
4. *Mộc Bản triều Nguyễn*, Trung tâm lưu trữ Quốc gia, Đà Lạt.
5. Trích theo J.Y.C (1941), *Bí mật các đảo san hô-nhật ký về cuộc hành trình đến Trường Sa*. (*Mystere des atolls - Journal de voyage aux Paracels*), tuần báo “Đông dương” (Indochine), các số ngày 3, 10, 17/7/1941.
6. Trích theo A.Salles *Hồi ký về nước Cochinchine* của J.B. Chaigneau”(*Le mes-moire sur la Cochinchine de J.B. Chaigneau*), tạp chí của những người bạn thành Huế cổ (*Bulletin des amis du vieux Huế*), số 2 năm 1923, tr.257.
7. Dính trong cuốn *Từ điển La tinh - Việt Nam* (Dictionarium Latino-Anamiticum), 1838.
8. *Địa lý của vương quốc Cochinchina* (Geography of the Cochinchina Empire), Tạp chí Hội địa lý Hoàng gia London (The Jounal Geography of London), tập XIX, 1849, Tr. 93.
9. Văn kiện Bộ Ngoại Giao Mỹ, 1961-Washington, Hội nghị Cairo và Teheran 1943, Tr.448.
10. Văn kiện của Bộ Ngoại giao Mỹ, tháng 12/1951, Hội nghị ký Hòa ước với Nhật Bản, Tr.236.
11. Trần Công Trực (cb) (2012), *Dấu ấn của Việt Nam trên Biển Đông*, H. Thông tin và truyền thông, tr.78.
12. GS Vũ Dương Ninh, *Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940-2010*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2014, Tr.331.
13. GS. Carl Thayer lèn tiếng về hành vi của Trung Quốc ở Biển Đông, <http://www.hoinhabaovietnam.vn>, ngày 20/8/2019.